

BÁO CÁO THU CHI QUẢN CƠM 2 000đ SÀI GÒN
THÁNG 10/2020
(Kèm theo bảng chi tiết chi chợ hàng ngày)

Ngày tháng	Chi tiết	Thu	Chi	Tồn
Tồn tháng 9/2020 mang sang				3 568 302 408
01/10/2020	MTQ có số GD 981826.011020.163518 ủng hộ KTX	200 000		3 568 502 408
	Chị Nguyễn Thị Bích Nga (Q 8) ủng hộ KTX	200 000		3 568 702 408
	Chị Hà Thanh Phương ủng hộ KTX	300 000		3 569 002 408
	Chị Hồ Thị Nguyệt Nga ủng hộ KTX	200 000		3 569 202 408
	Tiền bán phiếu com (254ph).	508 000		3 569 710 408
	Tiền thu lại tô nhựa (155 tô)	310 000		3 570 020 408
	Chi phí		882 200	3 569 138 208
02/10/2020	Chị Nguyễn Thị Thọ ủng hộ KTX	1 500 000		3 570 638 208
03/10/2020	Anh Long (Q5) ủng hộ KTX	500 000		3 571 138 208
	Tiền bán phiếu com (185ph).	370 000		3 571 508 208
	Chi phí		565 000	3 570 943 208
04/10/2020	Chị Nguyễn Thị Phi Hường (P14-Q10) CMTX T10	200 000		3 571 143 208
06/10/2020	Chú Tự (Q10) ủng hộ KTX	500 000		3 571 643 208
	Tiền bán phiếu com (333ph).	666 000		3 572 309 208
	Chi phí		4 151 000	3 568 158 208
08/10/2020	Chị Mỹ (Q10) ủng hộ KTX	200 000		3 568 358 208
	Tiền bán phiếu com (278ph).	556 000		3 568 914 208
	Tiền thu lại tô nhựa (55 tô)	110 000		3 569 024 208
	Chi phí		1 904 000	3 567 120 208
09/10/2020	Anh Lê Nguyên Thông, Lê Nguyên Thắng ủng hộ KTX	600 000		3 567 720 208
	Chi phí		500 000	3 567 220 208
10/10/2020	Chị KLHuong CMTX T10	200 000		3 567 420 208
	Tiền bán phiếu com (194ph).	388 000		3 567 808 208
	Tiền bán dầu cặn (4 can x30 lít)	1 000 000		3 568 808 208
	Chi phí		758 000	3 568 050 208
12/10/2020	Anh(chị) Longannt CMTX T9,10	700 000		3 568 750 208
13/10/2020	Tiền bán phiếu com (219ph).	438 000		3 569 188 208
	Chi phí		2 351 000	3 566 837 208
15/10/2020	Tiền bán phiếu com (204ph).	408 000		3 567 245 208
	Chi phí		3 739 600	3 563 505 608
17/10/2020	Tiền bán phiếu com (134ph).	268 000		3 563 773 608
	Chi phí		1 305 000	3 562 468 608
20/10/2020	Chị Nhã ủng hộ KTX	1 000 000		3 563 468 608
	Tiền bán phiếu com (232ph).	464 000		3 563 932 608
	Chi phí		2 560 000	3 561 372 608
21/10/2020	Chi phí		467 782	3 560 904 826
22/10/2020	Tiền bán phiếu com (219ph).	438 000		3 561 342 826
	Chi phí		2 410 000	3 558 932 826
23/10/2020	Chi phí		454 250	3 558 478 576
24/10/2020	Tiền bán phiếu com (215ph).	430 000		3 558 908 576
	Chi phí		1 035 000	3 557 873 576
25/10/2020	Lãi T10 ATM	3 465		3 557 877 041
26/10/2020	Chi phí		750 000	3 557 127 041
27/10/2020	Tiền bán phiếu com (231ph).	462 000		3 557 589 041
	Chi phí		512 000	3 557 077 041
28/10/2020	Chị Doit CMTX T11	1 000 000		3 558 077 041
29/10/2020	Chi phí		3 800 000	3 554 277 041
	Cô Thánh Nữ (Q5) ủng hộ KTX	100 000		3 554 377 041
	Anh Nguyễn Phương Tùng (Bình Chánh) ủng hộ KTX	500 000		3 554 877 041
	Tiền bán phiếu com (202ph).	404 000		3 555 281 041

30/10/2020	Chị Chau Vo Thi Nang Chi CMTX T10,11,12	1 500 000		3 556 781 041
	Chi phí		490 000	3 556 291 041
31/10/2020	Anh Trần Đức Minh (Tân Phú) ủng hộ KTX	500 000		3 556 791 041
	Tiền bán phiếu com (145ph).	290 000		3 557 081 041
	Chi phí		12 285 400	3 544 795 641
	Tổng	17 413 465	40 920 232	3 544 795 641

Chi tiết	Thu	Chi	Tồn
* Tồn đầu kì			3 568 302 408
Tiền lãi	3 465		
CMTX	3 600 000		
CMKTX	6 300 000		
Tiền bán phiếu (3 045phiếu)	6 090 000		
Tiền thu lại tô nhựa (210 tô)	420 000		
Thu khác (bán dầu cặn)	1 000 000		
Tổng chi phí		40 920 232	
* Tồn quỹ tháng 10/2020	17 413 465	40 920 232	3 544 795 641

TỔNG HỢP CHI PHÍ THEO NGÀY THÁNG 10/2020

Ngày	DIỄN GIẢI	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
01/10/20	Phí QLTK VCB	tháng	1		2 200
	Dưa leo	kg	50	3 200	160 000
	Tô nhựa	cái	300	1 800	540 000
	Chuối	kg			180 000
	Tổng				882 200
03/10/20	Dưa tươi	trái	11		100 000
	Cà rốt	kg	13	13 000	169 000
	Hành tây	kg	5		70 000
	Rau nâm	kg	0.5	20 000	10 000
	Sả xay	kg	3	12 000	36 000
	Chuối	kg			180 000
	Tổng				565 000
06/10/20	Chuối	kg			180 000
	Gia vị bò kho	bịch	2	53 000	106 000
	Cây lau nhà	cây	5	100 000	500 000
	Chổi cỏ	cây	5	25 000	125 000
	Cà rốt	kg	15	20 000	300 000
	Hành tây	kg	5	10 000	50 000
	Rau nâm	kg	1	25 000	25 000
	Sả cây	kg	1	10 000	10 000
	Dưa tươi	trái	10	10 000	100 000
	Gas 45kg	binh	3		2 755 000
	Tổng				4 151 000
08/10/20	Bí xanh	kg	20	8 000	160 000
	Đậu bắp	kg	18	3 000	54 000
	Tập hóa đơn	cuốn	10	4 000	40 000
	Tập biên lai thu tiền	cuốn	10	7 000	70 000
	Cây bầm kim	cây	5	30 000	150 000
	Cá nục	kg	50	25 000	1 250 000
	Chuối	kg			180 000
	Tổng				1 904 000
09/10/20	Chả cá basa hấp	kg	20	25 000	500 000
	Tổng				500 000
10/10/20	Phí DV SMS VCB T9	tháng	1	11 000	11 000
	Phí DV Internet VCB T9	tháng	1	11 000	11 000
	Bột năng	kg			120 000
	Chuối	kg			180 000
	Cà rốt	kg			56 000
	Hẹ	kg			40 000

	Hành tím	kg			50 000
	Bộ cùm bếp	bộ	2	100 000	200 000
	Ốt	kg			45 000
	Sả xay	kg	3	15 000	45 000
Tổng					758 000
13/10/20	Chả cá basa hấp	kg	5	25 000	125 000
	Chả cá basa tươi	kg	10	24 000	240 000
	Cà chua	kg	5	24 000	120 000
	Chanh	kg	2	7 500	15 000
	Giấm	lít	1	16 000	16 000
	Đậu hũ	miếng	350	1 300	455 000
	Khẩu trang y tế	hộp	50	24 000	1 200 000
	Chuối	kg			180 000
Tổng					2 351 000
15/10/20	Chả cá basa hấp	kg	20	25 000	500 000
	Chuối	kg			180 000
	Thịt đùi	kg	10	120 000	1 200 000
	Phí In sao kê Quý 3/2020 VCB	trang	12	3 300	39 600
	Chi lương kỳ 1 T10 Chị Nghĩa	B Thời Gian			500 000
	Chi lương Chị Kiều Phan Yên	Công nhật	6	110 000	660 000
	Chi lương Chị Trần Thị Như Mai	Công nhật	6	110 000	660 000
Tổng					3 739 600
17/10/20	Chuối	kg			180 000
	Rau muống	kg	15		80 000
	Bắp cải	kg	15	8 000	120 000
	Bạc hà	kg	3	10 000	30 000
	Rau nôm	kg	1	20 000	20 000
	Phí Điện thoại bàn T9	tháng	1	25 000	25 000
	Phí Internet quán cơm T9	tháng	1	350 000	350 000
	Công tác phí đi Dalat	lượt	2	250 000	500 000
Tổng					1 305 000
20/10/20	Đùi tỏi gà	kg	60	33 000	1 980 000
	Thịt xay	kg	2	100 000	200 000
	Chuối	kg			180 000
	Phí VS T10	tháng	1	200 000	200 000
Tổng					2 560 000
21/10/20	Tiền điện T10	tháng	1	467 782	467 782
Tổng					467 782
22/10/20	Cá basa	kg	50	27 000	1 350 000
	Bắp cải	kg	30	18 000	540 000
	Cà chua	kg	15	16 000	240 000
	Cà rốt	kg	5	20 000	100 000
	Chuối	kg			180 000
Tổng					2 410 000
23/10/20	Tiền nước T10	tháng	1	454 250	454 250
Tổng					454 250
24/10/20	Dưa leo	kg	20	4 500	90 000
	Cà rốt	kg	25	9 000	225 000
	Củ cải trắng	kg	20	3 000	60 000
	Khoai tây	kg	10	10 000	100 000
	Tỏi	kg	5	28 000	140 000
	Tắc	kg	2	5 000	10 000
	Hành lá	kg	1	15 000	15 000
	Dưa tươi	trái	11		100 000
	Sả	kg	2.5		40 000
	Rau nôm	kg	1	30 000	30 000
	Hành tây	kg	3	15 000	45 000
	Chuối	kg			180 000
Tổng					1 035 000
26/10/20	Chả cá basa hấp	kg	30	25 000	750 000
Tổng					750 000
27/10/20	Giá	kg	3	10 000	30 000
	Rau nôm	kg			10 000

	Đu đủ	kg	20	8 000	160 000
	Me	kg	1	40 000	40 000
	Muối bột	kg	20	4 600	92 000
	Chuối	kg			180 000
Tổng					512 000
29/10/20	Thịt đùi	kg	20	120 000	2 400 000
	Dầu ăn Cái Lân	lít	30		620 000
	Susu	kg	20	11 000	220 000
	Cải chua	kg	15	20 000	300 000
	Cà rốt	kg	10	8 000	80 000
	Chuối	kg			180 000
Tổng					3 800 000
30/10/20	Chả cá basa hấp	kg	10	25 000	250 000
	Chả cá basa tươi	kg	10	24 000	240 000
Tổng					490 000
31/10/20	Bao tay caso su size L	cái	10	11 300	113 000
	Bao tay caso su size M	kg	20	8 300	166 000
	Cà chua	kg	10	13 000	130 000
	Cà rốt	kg	10	18 000	180 000
	Chuối	kg			180 000
	Hành ngò	kg	2	30 000	60 000
	Chi lương kỳ 2 T10 Chị Nghĩa	B Thời Gian			1 000 000
	Chi lương chị Kiều Phan Yến	Công nhật	6	110 000	660 000
	Chi lương chị Trần Thị Như Mai	Công nhật	7	110 000	770 000
	Chi lương Tháng 10 Lê Tuấn Tú	Thời Gian			9 000 000
	Phí chuyên tiền T10 cùng HT	lần	9	2 200	19 800
	Phí chuyên tiền T10 khác HT	lần	1	6 600	6 600
Tổng					12 285 400
TỔNG CỘNG					40 920 232